

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM<sup>(1)</sup>**

(Ngày 01 tháng 12 năm 2023)<sup>(2)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ TÌNH**; Ngày tháng năm sinh: **20/05/1983**

- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó Hiệu trưởng**

- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Tuổi Hoa, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Nơi thường trú: **Thôn Vàng 1, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001183031830**

Ngày cấp: **29/01/2019**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN DOÃN THUẬN** Ngày tháng năm sinh: **05/08/1980**

- Nghề nghiệp: **Giáo viên**

- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: **Trường THCS Cao Bá Quát, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.**

- Nơi thường trú: **Thôn Vàng 1, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001080025061**

Ngày cấp: **25/4/2021;**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Nguyễn Doãn Hương Trà** Ngày tháng năm sinh: **27/2/2008**

- Nơi thường trú: **Thôn Vàng 1, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.**

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001308001972**

Ngày cấp: **05/8/2022;**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát QLHC về TTXH**

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **Nguyễn Doãn Long Giang** Ngày tháng năm sinh: **02/04/2012**

- Nơi thường trú: *Thôn Vàng 1, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.*

### III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>: **Không**

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>: **Không**

1.2. Các loại đất khác: <sup>(13)</sup> **Không**

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở: **Không**

2.2. Công trình xây dựng khác <sup>(16)</sup> **Không**

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>: **Không**

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>: **Không**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**

6.1. Cổ phiếu: **Không**

6.2. Trái phiếu: **Không**

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>: **Không**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ **50 triệu đồng** trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>: **Không**

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác<sup>(25)</sup>): **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: **Không**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 240.000.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 126.000.000 đ

*HL*

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 114.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

**II. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup>**

| Loại tài sản, thu nhập   | Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup> |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|--|--|---------------------------|--|
|  | Số lượng tài sản                           | Giá trị tài sản, thu nhập |  |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<br>1.1. Đất ở<br>1.2. Các loại đất khác<br>2. Nhà ở, công trình xây dựng<br>2.1. Nhà ở<br>2.2. Công trình xây dựng khác<br>3. Tài sản khác gắn liền với đất<br>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất<br>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất<br>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<br>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.<br>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):<br>6.1. Cổ phiếu<br>6.2. Trái phiếu<br>6.3. Vốn góp<br>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<br>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:<br>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy |  |                           |  |

|  |  |           |  |
|--|--|-----------|--|
| <p>đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ùi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p> |  | 240 triệu | Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp |
|--|--|-----------|--|

Long Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2023  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



*Nông Thị Kim Quy*  
 CHUYÊN VIÊN PHÒNG NỘI VỤ QUẬN LONG BIÊN

Long Biên, ngày 01 tháng 12 năm 2023  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thị Tình**